

Đồng Nai, ngày 20 tháng 7 năm 2023

BỘ CÂU HỎI ĐÁP ÁN
PHÁP LUẬT VỀ HỘ TỊCH

- Câu 1. Theo quy định của Luật Hộ tịch, đăng ký hộ tịch được hiểu là gì?
- A. Là việc người dân liên hệ cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy tờ hộ tịch.
 - B. Là việc cá nhân liên hệ cơ quan có thẩm quyền để được cấp giấy tờ hộ tịch.
 - C. Là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận hoặc ghi vào Sổ hộ tịch các sự kiện hộ tịch của cá nhân, tạo cơ sở pháp lý để Nhà nước bảo hộ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, thực hiện quản lý về dân cư.
 - D. Cả 03 đáp án còn lại đều đúng.
- Câu 2. Thẩm quyền đăng ký kết hôn cho công dân Việt Nam cư trú trong nước là cơ quan nào?
- A. Ủy ban nhân dân cấp
 - B. Ủy ban nhân dân cấp huyện
 - C. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh
 - D. Sở Tư pháp cấp tỉnh
- Câu 3. Cơ quan đăng ký hộ tịch là những cơ quan nào sau đây?
- A. UBND cấp xã
 - B. UBND cấp huyện
 - C. Cơ quan đại diện ngoại giao, cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam đặt ở nước ngoài
 - D. Cả 03 đáp án còn lại đều đúng
- Câu 4. Cơ quan quản lý cơ sở dữ liệu hộ tịch gồm những cơ quan nào sau đây?
- A. Cơ quan đăng ký hộ tịch và cơ quan khác được giao thẩm quyền
 - B. Bộ Tư pháp
 - C. Bộ Ngoại giao
 - D. Cả 03 đáp án còn lại đều đúng

Câu 5. Theo quy định của Luật Hộ tịch, Giấy khai sinh được xem là gì?

- A. Là giấy tờ hộ tịch của cá nhân
- B. Là giấy tờ hộ tịch gốc của cá nhân
- C. Là giấy tờ chứng minh tên của một người
- D. Là giấy tờ dùng để đăng ký cư trú

Câu 6. Trẻ em sinh ra trong thời hạn bao lâu thì phải được đăng ký khai sinh?

- A. 30 ngày
- B. 45 ngày
- C. 60 ngày
- D. 90 ngày

Câu 7. Theo quy định pháp luật, kết hôn được hiểu là gì?

- A. Kết hôn là việc nam và nữ xác lập quan hệ vợ chồng với nhau theo quy định của Hôn nhân và gia đình về điều kiện kết hôn và đăng ký kết hôn
- B. Là việc nam và nữ tổ chức hôn lễ và được pháp luật, gia đình, người thân công nhận
- C. Là việc nam nữ chung sống với nhau như vợ chồng
- D. Là việc nam và nữ được cấp giấy chứng nhận kết hôn

Câu 8. Theo quy định pháp luật hiện hành thì điều kiện về độ tuổi để đăng ký kết hôn là bao nhiêu?

- A. Nam 20 tuổi, nữ 17 tuổi
- B. Nam 22 tuổi, nữ 18 tuổi
- C. Nam từ đủ 20 tuổi trở lên, nữ từ đủ 18 tuổi trở lên
- D. Nam từ đủ 20 tuổi, nữ từ đủ 18 tuổi

Câu 9. Người dân có thể ủy quyền cho người khác thực hiện khi yêu cầu đăng ký các sự kiện hộ tịch nào dưới đây?

- A. Kết hôn.
- B. Khai sinh, cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, cải chính, thay đổi hộ tịch
- C. Nhận cha mẹ con

D. Cả 03 đáp án còn lại đều đúng

Câu 10. *Người chưa thành niên, người đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự yêu cầu đăng ký hộ tịch hoặc bản sao trích lục hộ tịch bằng hình thức nào?*

- A. Tự thực hiện
- B. Thông qua người đại diện theo pháp luật
- C. Không thực hiện được vì không đủ điều kiện để được giải quyết
- D. Cả 03 đáp án còn lại đều đúng

Câu 11. *Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân có giá trị sử dụng bao lâu kể từ ngày cấp?*

- A. 3 tháng
- B. 6 tháng
- C. 9 tháng
- D. 12 tháng

Câu 12. *Theo quy định của Luật Hộ tịch, Cơ sở dữ liệu hộ tịch được hiểu là gì?*

- A. Là tất cả thông tin của cá nhân trong cơ sở dữ liệu dân cư.
- B. Là tập hợp thông tin hộ tịch của cá nhân đã đăng ký và lưu giữ trong Sổ hộ tịch và Cơ sở dữ liệu hộ tịch điện tử.
- C. Là thông tin của cá nhân và gia đình trong cơ sở dữ liệu dân cư.
- D. Cả 03 đáp án còn lại đều đúng.

Câu 13. *Đăng ký khai sinh cho trẻ trong các trường hợp nào dưới đây?*

- A. Trẻ sinh ra có đầy đủ cha mẹ
- B. Trẻ bị bỏ rơi, trẻ chưa xác định được cha mẹ
- C. Trẻ không còn cha mẹ nhưng sống với người thân
- D. Trẻ em có cha mẹ, trẻ em bị bỏ rơi, trẻ chưa xác định được cha mẹ

Câu 14. *Một bên là công dân Việt Nam cư trú trong nước, một bên là công dân nước ngoài, người Việt Nam định cư ở nước ngoài thì thẩm quyền đăng ký kết hôn thuộc cơ quan nào?*

- A. UBND cấp xã nơi cư trú của một trong hai bên
- B. UBND cấp huyện nơi cư trú của một trong hai bên

- C. UBND cấp xã nơi cư trú của công dân Việt Nam
- D. UBND cấp huyện nơi cư trú của công dân Việt Nam

Câu 15. *Theo quy định của Luật Hộ tịch, bổ sung hộ tịch được hiểu là gì?*

- A. Là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền cập nhật thông tin hộ tịch còn thiếu cho cá nhân đã được đăng ký.
- B. Là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền thay đổi thông tin trong cơ sở dữ liệu hộ tịch của cá nhân.
- C. Là việc cơ quan có thẩm quyền đăng ký xác định lại dân tộc của cá nhân.
- D. Cả 03 đáp án còn lại đều đúng.

Câu 16. *Theo quy định của Luật Hộ tịch, Cải chính hộ tịch được hiểu là gì?*

- A. Là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền cập nhật thông tin hộ tịch còn thiếu cho cá nhân đã được đăng ký
- B. Là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký thay đổi những thông tin hộ tịch của cá nhân khi
- C. Là việc cơ quan nhà nước có thẩm quyền sửa đổi những thông tin hộ tịch của cá nhân trong trường hợp có sai sót khi đăng ký hộ tịch
- D. Cả 03 đáp án còn lại đều đúng.

Câu 17. *Sự kiện hộ tịch nào có thể được thực hiện dưới hình thức đăng ký lại?*

- A. Khai sinh
- B. Khai tử
- C. Kết hôn
- D. Cả 03 đáp án còn lại đều đúng

Câu 18. *Khi đăng ký khai sinh cho trẻ có thể lựa chọn quê quán như thế nào theo Luật Hộ tịch?*

- A. Quê quán theo cha hoặc mẹ
- B. Quê quán theo ông bà
- C. Quê quán theo nơi trẻ sinh ra
- D. Quê quán theo nơi đăng ký khai sinh

Câu 19. *Giấy tờ hộ tịch được cấp sau khi đăng ký kết hôn là loại này dưới đây?*

- A. Giấy kết hôn
- B. Giấy chứng nhận kết
- C. Quyết định kết hôn
- D. Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân

Câu 20. Giấy tờ hộ tịch được cấp sau khi đăng ký khai tử là loại nào dưới đây?

- A. Giấy chứng tử
- B. Giấy khai tử
- C. Trích lục khai tử
- D. Giấy báo tử

Câu 21. Giấy tờ hộ tịch được cấp sau khi đăng ký khai sinh là loại nào sau đây?

- A. Giấy khai sinh
- B. Giấy chứng sinh
- C. Giấy chứng nhận việc sinh
- D. Giấy chứng nhận khai sinh

Câu 22. Nội dung nào sau đây là nguyên tắc đăng ký hộ tịch?

- A. Tôn trọng và bảo đảm quyền nhân thân của cá nhân.
- B. Mọi sự kiện hộ tịch của cá nhân phải được đăng ký đầy đủ, kịp thời, trung thực, khách quan và chính xác; trường hợp không đủ điều kiện đăng ký hộ tịch theo quy định của pháp luật thì người đứng đầu cơ quan đăng ký hộ tịch từ chối bằng văn bản và nêu rõ lý do.
- C. Bảo đảm công khai, minh bạch thủ tục đăng ký hộ tịch.
- D. Cả 03 đáp án còn lại đều đúng

Câu 23. Nội dung nào sau đây là quyền, nghĩa vụ đăng ký hộ tịch của cá nhân?

- A. Cả 03 đáp án còn lại đều đúng
- B. Công dân Việt Nam, người không quốc tịch thường trú tại Việt Nam có quyền, nghĩa vụ đăng ký hộ tịch.
- C. Trường hợp kết hôn, nhận cha, mẹ, con thì các bên phải trực tiếp thực hiện tại cơ quan đăng ký hộ tịch.
- D. Người chưa thành niên, người đã thành niên mất năng lực hành vi dân sự yêu cầu đăng ký hộ tịch hoặc cấp bản sao trích lục hộ tịch thông qua người đại diện theo pháp luật.

Câu 24. Theo quy định của Luật hộ tịch những hành vi nào sau đây bị nghiêm cấm?

- A. Cả 03 đáp án còn lại
- B. Cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật; làm hoặc sử dụng giấy tờ giả, giấy tờ của người khác để đăng ký hộ tịch;
- C. Đe dọa, cưỡng ép, cản trở việc thực hiện quyền, nghĩa vụ đăng ký hộ tịch;
- D. Can thiệp trái pháp luật vào hoạt động đăng ký hộ tịch;

Câu 25. Pháp luật công nhận nam, nữ là vợ chồng khi nào?

- A. Nam, nữ sống với nhau như vợ chồng
- B. Nam, nữ đăng ký kết hôn theo luật định
- C. Nam, nữ được gia đình, người thân thừa nhận là có chung sống với nhau
- D. Nam, nữ có con chung

Câu 26. Giấy chứng nhận kết hôn có thời hạn bao lâu?

- A. 10 năm
- B. 50 năm
- C. 100 năm
- D. Không quy định thời hạn

Câu 27. Thẩm quyền cải chính hộ tịch cho trẻ em là công dân Việt Nam cư trú trong nước dưới 10 tuổi?

- A. Cơ quan đăng ký hộ tịch
- B. Tất cả các ý còn lại đều đúng
- C. Ủy ban nhân dân cấp huyện
- D. Ủy ban nhân dân cấp xã

Câu 28. Nhận định nào sau đây là sai?

- A. Nhà nước chỉ công nhận hôn nhân giữa hai công dân Việt Nam với nhau
- B. Nhà nước công nhận hôn nhân giữa công dân Việt Nam với công dân nước ngoài
- C. Nhà nước công nhận hôn nhân khi nam và nữ đăng ký kết hôn

D. Nhà nước không công nhận hôn nhân của người đồng giới

Câu 29. Việc công nhận “cha, mẹ, con” được thực hiện bởi cơ quan nào?

- A. Tòa án nhân dân, Cơ quan đăng ký hộ tịch
- B. Hội liên hiệp phụ nữ
- C. Cơ quan công an
- D. Cơ quan đăng ký hộ tịch

Câu 30. Người dân yêu cầu cơ quan có thẩm quyền thay đổi quê quán trong giấy khai sinh trong trường hợp nào?

- A. Theo nguyện vọng
- B. Theo yêu cầu của cha mẹ
- C. Theo yêu cầu của ông bà
- D. Khi có sai sót trong quá trình đăng ký khai sinh

Câu 31. Nhận định nào sau đây là đúng theo quy định của pháp luật về hộ tịch?

- A. Được thay đổi quê quán nếu bản thân người dân có nguyện vọng
- B. Không được thay đổi quê quán nếu không chứng minh được tại thời điểm đăng ký khai sinh việc xác định quê quán có sai sót của người đi đăng ký hộ tịch hoặc sai sót của cơ quan đăng ký hộ tịch
- C. Được thay đổi quê quán nếu ông bà, cha mẹ có yêu cầu
- D. Được thay đổi quê quán do có sự khác nhau về thông tin quê quán trong giấy khai sinh giữa các thành viên trong gia đình

Câu 32. Theo quy định của Luật Hộ tịch hành vi nào sau đây bị nghiêm cấm?

- A. Lợi dụng việc đăng ký hộ tịch hoặc trốn tránh nghĩa vụ đăng ký hộ tịch nhằm động cơ vụ lợi, hưởng chính sách ưu đãi của Nhà nước hoặc trục lợi dưới bất kỳ hình thức nào.
- B. Cả 03 đáp án còn lại đều đúng.
- C. Người có thẩm quyền quyết định đăng ký hộ tịch thực hiện việc đăng ký hộ tịch cho bản thân hoặc người thân thích theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình.
- D. Truy cập trái phép, trộm cắp, phá hoại thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch.

Câu 33. Việc nộp hồ sơ đăng ký hộ tịch được thực hiện theo hình thức nào sau đây:

- A. Nộp trực tiếp tại cơ quan đăng ký hộ tịch
- B. Nộp theo hình thức trực tuyến
- C. Nộp qua bưu điện
- D. Cả 03 đáp án còn lại đều đúng

Câu 34. Kết hôn trái pháp luật là gì?

- A. Là việc nam, nữ đã đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền nhưng một bên hoặc cả hai bên vi phạm điều kiện kết hôn theo quy định
- B. Là việc nam, nữ tự ý sống chung với nhau
- C. Là việc nam hoặc nữ đang có vợ có chồng mà sống chung như vợ chồng với người khác
- D. Là việc nam, nữ sống chung nhưng không được gia đình thừa nhận

Câu 35. Điều kiện cải chính giấy khai sinh?

- A. Có đủ căn cứ để xác định có sai sót do lỗi của công chức làm công tác hộ tịch và của người yêu cầu đăng ký khai sinh.
- B. Có đủ căn cứ để xác định có sai sót do lỗi của công chức làm công tác hộ tịch hoặc của người yêu cầu đăng ký khai sinh
- C. Khi người dân có nhu cầu muốn cải chính
- D. Cải chính giấy khai sinh nhằm hợp thức hóa thông tin trên hồ sơ, giấy tờ cá nhân khác.

Câu 36. Cơ quan nào dưới đây có quyền yêu cầu tòa án hủy việc kết hôn trái pháp luật?

- A. Cơ quan quản lý nhà nước về gia đình
- B. Cơ quan quản lý nhà nước về trẻ em
- C. Hội liên hiệp Phụ nữ
- D. Cả 03 đáp án còn lại đều đúng

Câu 37. Cơ quan nào có thẩm quyền giải quyết việc đăng ký khai sinh cho trẻ em sinh ra tại Việt Nam có cha và mẹ là công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài?

- A. UBND cấp huyện nơi cư trú của cha hoặc mẹ trẻ
- B. UBND cấp huyện nơi cư trú của cha và mẹ trẻ.
- C. UBND cấp xã nơi cư trú của người cha nếu không xác định được nơi cư trú của người mẹ.

D. UBND cấp xã nơi cha và mẹ trẻ hiện đang cư trú.

Câu 38. Thời hạn giải quyết thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND cấp xã theo quy định của Luật Hộ tịch là bao nhiêu ngày?

- A. Giải quyết ngay sau khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ
- B. 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.
- C. 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ
- D. 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ

Câu 39. Trường hợp nào sau đây văn bản ủy quyền không cần phải chứng thực khi thực hiện đăng ký hộ tịch theo quy định của Luật hộ tịch?

- A. Ông, bà, cha, mẹ ruột của người ủy quyền.
- B. Anh, chị, em, của người ủy quyền.
- C. Cô, dì, chú, bác ruột của người ủy quyền.
- D. Cả 03 đáp án còn lại đều đúng.

Câu 40. Khi đăng ký lại việc kết hôn, quan hệ hôn nhân được xác định như thế nào theo quy định của Luật Hộ tịch?

- A. Được công nhận kể từ ngày đã đăng ký kết hôn trước đây
- B. Được công nhận kể từ ngày đăng ký lại việc kết hôn.
- C. Được công nhận kể từ ngày nộp hồ sơ đăng ký lại việc kết hôn.
- D. Được công nhận kể từ ngày nhận kết quả.

Câu 41. Loại giấy tờ nào sau đây là giấy tờ hộ tịch gốc của mỗi cá nhân?

- A. Chứng minh nhân dân/Căn cước công dân
- B. Giấy khai sinh
- C. Giấy kết hôn
- D. Sổ Hộ khẩu/Sổ tạm trú

Câu 42. Nhận định nào sau đây là đúng theo quy định pháp luật về hộ tịch?

- A. Hiện nay, khi đăng ký hộ tịch tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền bắt buộc phải xuất trình sổ hộ khẩu/sổ tạm trú.
- B. Hiện nay, khi đăng hộ tịch tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền phải xuất trình sổ hộ khẩu.
- C. Hiện nay, khi đăng hộ tịch tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền không cần xuất trình sổ hộ khẩu/sổ tạm trú
- D. Hiện nay, khi đăng hộ tịch tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền chỉ xuất trình sổ hộ khẩu/sổ tạm trú nếu như người dân có mang theo.

Câu 43. Theo quy định của Luật Hộ tịch, hành vi nào sau đây bị nghiêm cấm?

- A. Cam đoan, làm chứng sai sự thật để đăng ký hộ tịch;
- B. Làm giả, sửa chữa, làm sai lệch nội dung giấy tờ hộ tịch hoặc thông tin trong Cơ sở dữ liệu hộ tịch;
- C. Đưa hối lộ, mua chuộc, hứa hẹn lợi ích vật chất, tinh thần để được đăng ký hộ tịch;
- D. Cả 03 đáp án còn lại

Câu 44. Một công dân Việt Nam được cấp bao nhiêu bản chính giấy khai sinh?

- A. 1 bản
- B. 2 bản
- C. 3 bản
- D. 4 bản chính

Câu 45. Theo quy định của Luật Hộ tịch mỗi sự kiện hộ tịch được đăng ký tại bao nhiêu cơ quan đăng ký hộ tịch?

- A. Tại 01 cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền
- B. Tại 02 cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền
- C. Tại 03 cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền
- D. Tại 04 cơ quan đăng ký hộ tịch có thẩm quyền

Câu 46. Người dân yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền thay đổi tên trong giấy khai sinh trong trường hợp nào sau đây?

- A. Nếu không thích tên đã được đăng ký trong giấy khai sinh
- B. Việc thay đổi tên phải đảm bảo phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự
- C. Theo ý thích của ông bà, cha mẹ trong gia đình
- D. Tên không hợp phong thủy của người đó

Câu 47. Nhận định nào sau đây là đúng theo quy định pháp luật về hộ tịch?

- A. Bản sao trích lục khai sinh không có giá trị pháp lý như bản chính giấy khai sinh
- B. Bản sao trích lục khai sinh có giá trị pháp lý như bản chính giấy khai sinh
- C. Bản sao trích lục khai sinh chỉ có giá trị khi có bản chính kèm theo
- D. Bản sao trích lục khai sinh chỉ có giá trị khi được cơ quan có thẩm quyền xác nhận

Câu 48. Công dân Việt Nam định cư, du học, lao động tại nước ngoài khi có yêu cầu đăng ký hộ tịch thì liên hệ cơ quan có thẩm quyền nào đăng ký hộ tịch?

- A. Về Việt Nam để liên hệ UBND cấp xã
- B. Về Việt Nam để liên hệ UBND cấp huyện
- C. Liên hệ cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam, cơ quan lãnh sự Việt Nam tại nước ngoài
- D. Liên hệ cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài

Câu 49. Nhận định nào sau đây là đúng theo quy định pháp luật về hộ tịch?

- A. Người dân được quyền tẩy xóa, sửa thông tin trong giấy tờ hộ tịch
- B. Người dân không được quyền tẩy xóa, sửa thông tin trong giấy tờ hộ tịch
- C. Người dân được quyền tẩy xóa, sửa thông tin trong giấy tờ hộ tịch rồi yêu cầu cơ quan đăng ký hộ tịch xác nhận lại nội dung
- D. Người dân được quyền tẩy xóa, sửa thông tin trong giấy tờ hộ tịch rồi yêu cầu cơ quan công an xác nhận lại nội dung

Câu 50. Khi được cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân, nếu không sử dụng vào đúng mục đích ghi trong giấy xác nhận thì người được cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cần phải làm gì?

- A. Bỏ giấy xác nhận tình trạng hôn nhân
- B. Cất giữ giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để cung cấp lại cho cơ quan đăng ký hộ tịch khi cần
- C. Chứng thực bản sao từ bản chính để sử dụng khi cần
- D. Sử dụng giấy xác nhận tình trạng hôn nhân đó vào mục đích khác

Câu 51. Cơ quan nào có thẩm quyền cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho công dân Việt Nam cư trú trong nước?

- A. UBND cấp xã nơi công dân Việt Nam thường trú
- B. UBND cấp huyện nơi công dân Việt Nam thường trú
- C. Sở Tư pháp cấp tỉnh
- D. Công an cấp xã nơi công dân Việt Nam thường trú

Câu 52. Cơ quan nào có thẩm quyền cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân cho công dân Việt Nam cư trú ở nước ngoài?

- A. Bộ Ngoại giao
- B. Cơ quan đại diện ngoại giao Việt Nam, cơ quan lãnh sự Việt Nam ở nước ngoài
- C. Cơ quan quản lý hộ tịch của nước ngoài

D. Cơ quan quản lý cư trú của nước ngoài

Câu 53. Trường hợp nhận cha, mẹ, con giữa công dân Việt Nam cư trú ở trong nước với công dân Việt Nam định cư ở nước ngoài thực hiện tại cơ quan nào?

- A. Cơ quan đại diện ngoại giao
- B. Bộ Tư pháp
- C. Ủy ban nhân dân cấp huyện
- D. Ủy ban nhân dân cấp xã

Câu 54. Trường hợp khai sinh trước đây được đăng ký tại Sở Tư pháp, hiện nay người đó không cư trú tại Việt Nam mà muốn đăng ký lại khai sinh thì thực hiện ở cơ quan nào?

- A. Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có trụ sở hiện nay của Sở Tư pháp thực hiện
- B. Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi có trụ sở hiện nay của Sở Tư pháp thực hiện
- C. Cơ quan đại diện ngoại giao
- D. Tất cả các ý còn lại đều đúng

Câu 55. Người dân có quyền yêu cầu cấp Giấy xác nhận tình trạng hôn nhân để sử dụng vào mục đích gì?

- A. Kết hôn
- B. Du học/du lịch
- C. Vay vốn
- D. Cả 03 đáp án còn lại đều đúng

Câu 56. Theo quy định pháp luật về hộ tịch nhận định nào sau đây là đúng?

- A. Cơ quan đăng ký hộ tịch không được từ chối đăng ký kết hôn khi người dân có yêu cầu
- B. Cơ quan đăng ký hộ tịch không được từ chối đăng ký kết hôn nếu chỉ có một bên vi phạm điều cấm hoặc không đủ điều kiện kết hôn
- C. Cơ quan đăng ký hộ tịch từ chối đăng ký kết hôn chỉ khi cả hai bên vi phạm điều cấm hoặc không đủ điều kiện kết hôn
- D. Cơ quan đăng ký hộ tịch từ chối đăng ký kết hôn khi một bên vi phạm điều cấm hoặc không đủ điều kiện kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình Việt

Câu 57. Khi nhận giấy chứng nhận kết hôn, nam nữ có cần phải có mặt tại cơ quan đăng ký hộ tịch không?

- A. Bất buộc nam, nữ phải có mặt tại cơ quan đăng ký hộ tịch
- B. Chỉ cần 01 bên có mặt
- C. Ủy quyền cho người khác nhận thay
- D. Cả 03 đáp án còn lại đều đúng

Câu 58. *Nhận định nào sau đây là sai theo quy định pháp luật về hộ tịch?*

- A. Trẻ em không được đăng ký khai sinh nếu cha mẹ không đăng ký kết hôn
- B. Trẻ em khi sinh ra được quyền đăng ký khai sinh
- C. Trường hợp khai sinh cho trẻ em sinh ra do mang thai hộ phải có văn bản chứng minh việc mang thai hộ theo quy định pháp luật
- D. Trẻ em bị bỏ rơi, chưa xác định được cha mẹ vẫn được đăng ký khai sinh

Câu 59. *Cơ quan nào có thẩm quyền đăng ký khai tử cho công dân Việt Nam cư trú trong nước?*

- A. UBND cấp xã nơi cư trú cuối cùng của người chết
- B. UBND cấp xã nơi cư trú của người thân của người chết
- C. UBND cấp xã nơi cư trú đầu tiên của người chết
- D. UBND cấp xã nơi người đó chết

Câu 60. *Việc đăng ký lại khai sinh chỉ được thực hiện khi nào?*

- A. Khi mất giấy khai sinh
- B. Khi người dân yêu cầu theo nguyện vọng
- C. Khi mất bản chính giấy khai sinh và có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền không còn lưu trữ sổ hộ tịch đã cấp trước đây
- D. Khi mất sổ hộ tịch.

Câu 61: *Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với những hành vi nào sau đây?*

- A. Cam đoan, làm chứng sai sự thật về việc sinh.
- B. Cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật về nội dung khai sinh.
- C. Cả 03 đáp án còn lại đều đúng.
- D. Sử dụng giấy tờ của người khác để làm thủ tục đăng ký khai sinh.

Câu 62: *Hành vi tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung giấy tờ do cơ quan, tổ chức, người có thẩm quyền cấp để làm thủ tục đăng ký kết hôn bị phạt tiền mức nào sau đây?*

- A. Từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.
- B. Từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.
- C. Từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng.
- D. Từ 2.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng.

Câu 63: *Hành vi cho người khác sử dụng giấy tờ của mình để làm thủ tục đăng ký kết hôn bị phạt tiền mức nào sau đây?*

- A. Từ 3.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng.
- B. Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.
- C. Từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng.
- D. Từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.

Câu 64: *Hành vi cung cấp thông tin, tài liệu hoặc cam đoan, làm chứng sai sự thật về tình trạng hôn nhân để làm thủ tục đăng ký kết hôn bị phạt tiền mức nào sau đây?*

- A. Từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.
- B. Từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.
- C. Từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng.
- D. Từ 3.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng.

Câu 65: *Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với những hành vi nào sau đây?*

- A. Sử dụng giấy tờ của người khác để làm thủ tục cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.
- B. Cam đoan không đúng về tình trạng hôn nhân để làm thủ tục cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.
- C. Cả 03 đáp án còn lại đều đúng.
- D. Cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật để được cấp giấy xác nhận tình trạng hôn nhân.

Câu 66: *Hành vi sử dụng giấy xác nhận tình trạng hôn nhân không đúng mục đích ghi trong giấy xác nhận bị phạt tiền mức nào?*

- A. Từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.
- B. Từ 4.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng.
- C. Từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng.
- D. Từ 3.000.000 đồng đến 6.000.000 đồng.

Câu 67: *Phạt tiền từ 3.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với hành vi nào sau đây?*

- A. Sử dụng giấy tờ của người khác để làm thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con.
- B. Cung cấp thông tin, tài liệu hoặc cam đoan, làm chứng sai sự thật để làm thủ tục đăng ký nhận cha, mẹ, con.
- C. Cả 03 đáp án còn lại đều đúng.
- D. Đe dọa, cưỡng ép, cản trở việc nhận cha, mẹ, con.

Câu 68: *Hành vi cung cấp thông tin, tài liệu sai sự thật khi làm thủ tục thay đổi, cải chính hộ tịch, bổ sung thông tin hộ tịch, xác định lại dân tộc để hưởng chế độ, chính sách ưu đãi hoặc nhằm mục đích trục lợi khác bị phạt tiền mức nào sau đây?*

- A. Từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng.
- B. Từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng.
- C. Từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng.
- D. Từ 20.000.000 đồng đến 25.000.000 đồng.

Câu 69: *Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 7.000.000 đồng đối với những hành vi nào sau đây?*

- A. Đe dọa, cưỡng ép, cản trở việc thực hiện quyền, nghĩa vụ đăng ký hộ tịch.
- B. Cả 03 đáp án còn lại đều đúng.
- C. Mua chuộc, hứa hẹn lợi ích vật chất, tinh thần để được đăng ký hộ tịch.
- D. Cho người khác sử dụng giấy tờ hộ tịch của mình để thực hiện hành vi vi phạm pháp luật.

Câu 70: *Hành vi tẩy xóa, sửa chữa làm sai lệch nội dung giấy tờ hộ tịch bị phạt tiền mức nào sau đây?*

- A. Từ 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.
- B. Từ 1.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.
- C. Từ 3.000.000 đồng đến 4.000.000 đồng.
- D. Từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng./.